



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC
APEC CONSULTING AND AUDITING CO., LTD

Trụ sở chính: Số 10A, Ngõ 1295/2, Đường Giải Phóng, P. Hoàng Liet, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Head office: No. 10A, Lane 1295/2, Giai Phong Str., Hoang Liet Ward, Hoang Mai Dist., Ha Noi

Tel: (024) 3 634 1346 - (024) 2 213 7244 * Fax: (024) 3 634 1346
Email: apec.auditn@gmail.com

<https://apecaudit.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mục lục**Trang****BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

02 - 04

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

05 - 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

07 - 08

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

09

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Giày Thụy Khuê thành Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty chính thức chuyển sang công cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là: 0100101065 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 2015, và theo đó:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Công ty cổ phần Giày Thụy Khuê là: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng), cơ cấu vốn như sau:

<u>Vốn góp cổ đông</u>	<u>Số tiền(VND)</u>	<u>Tỷ lệ(%)</u>
Vốn góp của Nhà nước	27.212.000.000	35.34
Vốn của người lao động	3.293.000.000	4.28
Vốn của nhà đầu tư khác	46.495.000.000	60.38
Cộng	77.000.000.000	100

Công ty có trụ sở chính tại: Khu công nghiệp Phú Minh, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành, nghề kinh doanh:

- Sản xuất giày dép; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da; Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị ngành dệt và da giày);
- Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp (Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành dệt và da giày);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn Vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da); Bán buôn chuyên ngành khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn tơ, Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép, Bán buôn hóa chất công nghiệp cho ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng dệt, may, giày dép);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm hóa chất phục vụ ngành da giày, may mặc);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường thuộc ngành da, giày); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ ngành dệt may, da giày);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giấy dếp);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Dạy nghề cho ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Xây dựng nhà các loại; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản (Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc, nhà ở, siêu thị, kho tàng;)
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Thuộc sản xuất ngành da giày;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu là Sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm: Giấy dếp và các sản phẩm khác thuộc ngành da giày;

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Thụy đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2022 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Khương Văn Tuyền	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Đào Thị Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Tổng giám đốc
Ông Khương Văn Tuyền	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ chế độ từ ngày 01/11/2022).
Bà Đào Thị Sơn	Phó Tổng giám đốc (Từ ngày 02/11/2022).

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Kỳ	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Thành viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Danh Nam	Thành viên ban kiểm soát

Kết quả Hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc

Trong kỳ hoạt động, ngoài những khoản thu nhập theo quy định của Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản thu nhập nào khác và không có bất kỳ sự dàn xếp nào có lợi riêng cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc.

Công bố Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, và tất cả các sai lệch trọng yếu đến đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng giám đốc

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc *Nguyễn Văn Tuấn*



Phạm Quang Huy



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

APEC CONSULTING AND AUDITING CO., LTD

Trụ sở chính: Số 10A, Ngõ 1295/2, Đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Head office: No. 10A, Lane 1295/2, Giai Phong Str, Hoang Liet Ward, Hoang Mai Dist, Ha Noi

• Tel: (84-24) 3 634 1346-2 213 7255
• Fax: (84-24) 3 634 1346
• Email: apec.audit@n@gmail.com
• Website: www.apec-audit-ac.com

Số: 03.01 /2023/BCKT-APEC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê

Kính gửi : **Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê (sau đây gọi tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tính đến ngày 31/12/2022. Công ty chưa phân bổ hết chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh mà treo lại trên chi phí trả trước dài hạn số tiền là 4.554.267.529 đồng do từ năm 2018 đến nay tình hình sản xuất, xuất khẩu của Công ty gặp nhiều khó khăn bởi mất những khách hàng xuất khẩu lớn và ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài.

Khoản phải thu khác của dự án đầu tư xây dựng khu 3ha tại Phường Cổ Nhuế 2 – Quận Bắc Từ Liêm – Hà Nội tại thời điểm 31/12/2022 với số tiền là 4.790.897.954 đồng vẫn chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu làm cơ sở cho việc xác định công nợ do thời gian đã lâu, một số tài liệu bị thất lạc (từ năm 1994). Vì vậy các khoản nợ này chưa được xem xét trích lập dự phòng công nợ phải thu hoặc xử lý theo quy định.

Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xác định giá trị giảm giá của thành phẩm chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2022 làm căn cứ cho việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Giá trị thành phẩm chậm luân chuyển này được phản ánh theo giá trị ghi sổ kế toán là: 2.486.534.716 đồng

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.8 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang – Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại thời điểm kiểm toán, công trình “Đầu tư xây dựng khách sạn, văn phòng giao dịch và cho thuê tại số 152 Thụy Khuê - Hà Nội” theo hợp đồng nguyên tắc số 73/GTK/HĐLD ngày 22/05/2007 giữa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Giấy Thụy Khuê (nay là: Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê) và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư tài chính Thái Bình (nay là: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Bình) đã được xây dựng xong, chi phí xây dựng công trình đã được tập hợp và được ghi nhận trong khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” là: 37.790.757.631 đồng chưa được nghiệm thu quyết toán. Hiện nay, dự án đang vi phạm trật tự về xây dựng và đang chờ kết luận của các cơ quan có thẩm quyền.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC



Đỗ Ngọc Hóa

Giám đốc

Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0595-2023-095-1

Nguyễn Hồng Sơn

Kiểm toán viên

Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1449-2021-095-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.106.046.776	48.996.810.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.432.373.042	2.979.965.911
1. Tiền	111	V.1	2.432.373.042	2.979.965.911
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.981.894.829	21.518.632.670
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.981.894.829	21.518.632.670
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.967.261.707	7.965.952.825
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.175.298.753	3.170.460.071
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	4.791.962.954	4.795.492.754
IV. Hàng tồn kho	140		8.982.357.266	13.904.887.038
1. Hàng tồn kho	141	V.4	8.982.357.266	13.904.887.038
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.742.159.932	2.627.372.457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	133.397.037	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.568.534.297	2.568.534.297
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	40.228.598	58.838.160
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.459.466.511	77.679.175.306
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.193.543.781	4.287.066.273
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.193.543.781	4.287.066.273
II. Tài sản cố định	220		12.829.494.830	14.950.465.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	12.735.964.659	14.841.346.863
- Nguyên giá	222		76.836.281.637	79.228.964.315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(64.100.316.978)	(64.387.617.452)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	93.530.171	109.118.531
- Nguyên giá	228		155.883.613	155.883.613
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(62.353.442)	(46.765.082)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.609.479.467	38.609.479.467
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	38.609.479.467	38.609.479.467
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		15.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	15.000.000.000	15.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.826.948.433	4.832.164.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	4.826.948.433	4.832.164.172
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.565.513.287	126.675.986.207

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊĐịa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 - DN

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		49.141.295.184	49.490.184.934
I. Nợ ngắn hạn	310		8.609.742.184	8.958.631.934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.214.946.554	7.457.442.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	-	400.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	134.494.832	15.617.844
4. Phải trả người lao động	314		828.212.852	668.789.299
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	154.337.811	139.032.123
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.14	277.750.135	277.750.135
II. Nợ dài hạn	330		40.531.553.000	40.531.553.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	40.395.553.000	40.395.553.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	136.000.000	136.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.424.218.103	77.185.801.273
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	77.424.218.103	77.185.801.273
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		77.000.000.000	77.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4111		77.000.000.000	77.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.170.850	11.170.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		108.005.619	108.005.619
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		305.041.634	66.624.804
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		(352.782.581)	(143.078.794)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		657.824.215	209.703.598
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.565.513.287	126.675.986.207

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập

Trưởng phòng TC-KH

Tổng Giám đốc

Dinh Thị Hiền
Dinh Thị Hiền

Đào Thị Sơn
Đào Thị Sơn



Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THUY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mẫu B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1.	43.049.344.718	39.985.046.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và và cung cấp dịch vụ	10		43.049.344.718	39.985.046.807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	37.220.187.500	34.371.451.205
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.829.157.218	5.613.595.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.042.394.507	597.726.476
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	5.240.618	14.090.243
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	202.243.942	97.538.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	6.638.605.101	5.898.666.463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		25.462.064	201.026.995
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	604.982.455	91.132.368
12. Chi phí khác	32	VI.6.	299.896.710	24.200
13. Lợi nhuận khác	40		305.085.745	91.108.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		330.547.809	292.135.163
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	66.109.562	58.427.031
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		264.438.247	233.708.132
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9.	34,34	30,35

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập

Trưởng phòng TC-KH

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Hiền
Đinh Thị Hiền

Đào Thị Sơn
Đào Thị Sơn



Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THUY KHUÊĐịa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VNĐ

	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	46.785.818.356	44.202.836.570
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(30.186.279.936)	(30.192.510.378)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.710.431.006)	(4.555.072.880)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(47.500.000)	(49.328.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	175.245.570	22.206.877
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.063.359.964)	(4.776.950.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.953.493.020	4.651.181.244
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21	(260.604.739)	(1.397.378.890)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác	22	180.000.000	121.105.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.920.000.000)	(21.970.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.495.078.318	18.989.853.349
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.054.030	225.010.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.501.472.391)	(4.031.409.591)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32 0	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(547.979.371)	619.771.653
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.979.965.911	2.374.284.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	386.502	(14.090.243)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.432.373.042	2.979.965.911

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập

Trưởng phòng TC-KH

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Hiền
Đinh Thị Hiền

Đào Thị Sơn
Đào Thị Sơn



Phạm Quang Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Giày Thụy Khuê thành Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty chính thức chuyển sang công cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Giày Thụy Khuê hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là: 0100101065 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 2015, và theo đó:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Công ty cổ phần Giày Thụy Khuê là: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng), cơ cấu vốn như sau:

<u>Vốn góp cổ đông</u>	<u>Số tiền(VND)</u>	<u>Tỷ lệ(%)</u>
Vốn góp của Nhà nước	27.212.000.000	35.34
Vốn của người lao động	3.293.000.000	4.28
Vốn của nhà đầu tư khác	46.495.000.000	60.38
Cộng	77.000.000.000	100

Công ty có trụ sở chính tại: Khu công nghiệp Phú Minh, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực da giày, bất động sản và cho thuê văn phòng.

4. Ngành nghề kinh doanh**Ngành, nghề kinh doanh:**

- Sản xuất giày dép; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị ngành dệt và da giày);
- Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp (Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành dệt và da giày);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn Vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da);
- Bán buôn chuyên ngành khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn tơ, Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép, Bán buôn hóa chất công nghiệp cho ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng dệt, may, giày dép);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm hóa chất phục vụ ngành da giày, may mặc);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường thuộc ngành da, giày);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ ngành dệt may, da giày);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giày dép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Dạy nghề cho ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Xây dựng nhà các loại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp dệt, may, da giày);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản (Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc, nhà ở, siêu thị, kho tàng;)
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Thuộc sản xuất ngành da giày;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng Công ty kinh doanh;

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Cơ sở lập Báo cáo tài chính, Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, do Bộ Tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản, và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

5.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu, vật liệu thành phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

5.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5.3. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	3 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

7.1. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong kỳ đơn vị không phát sinh

7.2. Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty. Trong kỳ đơn vị không phát sinh

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

8.1. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

8.2. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

8.3. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

8.4. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

9.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

9.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

9.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phạt trễ được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phạt trễ trong kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nợ phải trả

Trong kỳ đơn vị không phát sinh trích lập dự phòng nợ phải trả.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực tế của các cổ đông sáng lập đã góp.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Cổ tức phải trả cho các thành viên được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao dịch hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của các ngân hàng.

Chi phí tài chính (lãi tiền vay) được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là khoản thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20% và các quy định về thuế khác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	446.868.687	340.280.145
- Văn phòng Công ty	446.868.687	340.280.145
Tiền gửi ngân hàng	1.985.504.355	2.639.685.766
- Văn phòng Công ty	1.985.504.355	2.639.685.766
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	2.432.373.042	2.979.965.911
2. Phải thu khách hàng	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.175.298.753	3.170.460.071
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 4,18% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>		
- Công ty cổ phần đầu tư K&G Việt Nam	2.671.726.549	2.773.644.337
- Các khách hàng khác	503.572.204	396.815.734
Cộng	3.175.298.753	3.170.460.071
3. Phải thu khác	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	4.791.962.954	4.795.492.754
Phải thu về cổ phần hoá		
Phải thu từ cơ quan BHXH		
Phải thu khác	4.791.962.954	4.795.492.754
- Các đối tượng liên quan đến XD dự án khu 3ha theo QĐ 3389 năm 1992(*)	4.790.897.954	4.790.897.954
- Công ty TNHH thu phí tự động VETC	1.065.000	3.365.000
- BHXH, BHYT, TN nộp thừa		1.229.800
b. Phải thu khác dài hạn	5.193.543.781	4.287.066.273
- Công ty Liên doanh Thái Bình Thụy Khuê (phải thu tiền thuê đất)	5.193.543.781	4.287.066.273
Cộng	9.985.506.735	9.082.559.027

(*) khoản Khoản phải thu này xuất phát từ khi thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất khu 3ha tại Phường Cổ Nhuế 2 - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội, dự án này được thực hiện từ năm 1994. Đến năm 2013, việc thanh quyết toán công trình còn gặp nhiều khó khăn do không có đủ hóa đơn, chứng từ của một số hạng mục nên khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp đã được xử lý tài chính, thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định số tiền: 3.454.751.710 đồng và tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2013) là 1.366.146.224 đồng, do đó tăng số phải thu của các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến dự án này là: 4.790.897.954 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4.	Hàng tồn kho	31/12/2022	31/12/2021
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	-	-
	Thành phẩm tồn kho	8.982.357.266	13.904.887.038
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	Cộng	8.982.357.266	13.904.887.038
5.	Chi phí trả trước	31/12/2022	31/12/2021
		VND	VND
a.	Ngắn hạn	133.397.037	-
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	106.120.320	
	Chi phí sửa chữa	27.276.717	
	Các khoản khác		
b.	Dài hạn	4.826.948.433	4.832.164.172
	Chi phí sửa chữa	270.276.813	220.737.752
	Phân bổ công cụ dụng cụ	2.404.091	57.158.891
	Chi phí chờ phân bổ	4.554.267.529	4.554.267.529
	Cộng	4.960.345.470	4.832.164.172
6.	Tài sản cố định Hữu hình (Phụ lục số 01)		
7.	Tài sản cố định Vô hình (phụ lục số 02)		
8.	Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2022	31/12/2021
		VND	VND
a.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
		31/12/2022	31/12/2021
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
			Giá gốc
			Giá trị có thể thu hồi
b.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	Xây dựng cơ bản dở dang		
	Xây dựng khu 1ha	818.721.836	818.721.836
	XD tại 152 Thụy Khuê	37.790.757.631	37.790.757.631
	Cộng	38.609.479.467	38.609.479.467

(*) Đầu tư xây dựng khách sạn, văn phòng giao dịch và cho thuê tại số 152 Thụy Khuê - Ba Đình - Hà Nội theo hợp đồng nguyên tắc số 73/GTK/HĐLD ngày 22/05/2007 giữa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Giấy Thụy Khuê (nay là Công ty Cổ phần Giấy Thụy Khuê) và Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư tài chính Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình) đã được xây dựng xong, chi phí công trình đã được tập hợp và được ghi nhận trong khoản mục "Chi phí xây dựng dở dang" là 37.790.757.631 đồng, chưa được nghiệm thu quyết toán. Hiện nay, dự án công trình đang vi phạm về trật tự xây dựng và đang chờ kết luận của các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. <i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	27.981.894.829	27.981.894.829	21.518.632.670	21.518.632.670
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	27.981.894.829	27.981.894.829	21.518.632.670	21.518.632.670
b. <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Thái Bình - Thụy Khuê (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	42.981.894.829	42.981.894.829	36.518.632.670	36.518.632.670

(*) Đầu tư góp vốn và Công ty TNHH Liên doanh Thái Bình - Thụy Khuê bằng giá trị tài sản trên đất và tiền hỗ trợ của đối tác. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính 2022 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

10. Phải trả người bán

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	7.214.946.554	7.457.442.533
- Công ty cổ phần đầu tư K&G Việt Nam	2.161.870.279	2.387.028.042
- Chiarming máy	3.659.403.808	3.659.403.808
- Các khách hàng khác	1.393.672.467	1.411.010.683
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	40.531.553.000	40.531.553.000
Tập đoàn Đầu tư TC Thái Bình (Liên doanh khu 152 Thụy Khuê)	40.395.553.000	40.395.553.000
- Ký quỹ ký cược dài hạn	136.000.000	136.000.000
Cộng	47.746.499.554	47.988.995.533

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	7.214.946.554	7.214.946.554	7.457.442.533	7.457.442.533
- Công ty cổ phần đầu tư K&G Việt Nam	2.161.870.279	2.161.870.279	2.387.028.042	2.387.028.042
- Chiarming máy	3.659.403.808	3.659.403.808	3.659.403.808	3.659.403.808
- Các khách hàng khác	1.393.672.467	1.393.672.467	1.411.010.683	1.411.010.683

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THUY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cồ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	40.531.553.000	40.531.553.000	40.531.553.000	40.531.553.000
<i>Tập đoàn Đầu tư TC</i>				
- Thái Bình (Liên doanh khu 152 Thụy Khuê)	40.395.553.000	40.395.553.000	40.395.553.000	40.395.553.000
- Ký quỹ ký cược dài hạn	136.000.000	136.000.000	136.000.000	136.000.000
Cộng	47.746.499.554	47.746.499.554	47.988.995.533	47.988.995.533

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
11. Người mua trả trước				
a. Người mua trả trước ngắn hạn	-	-	400.000.000	400.000.000
<i>Nguyễn Ngọc Minh</i>	-	-	400.000.000	400.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	-	-	-	-
b. Người mua trả trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	400.000.000	400.000.000

12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp nhà nước (Phụ lục số 03)

	31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
13. Phải trả khác		
a. Phải trả khác ngắn hạn	154.337.811	139.032.123
<i>Tài sản thừa chờ giải quyết</i>	-	-
<i>Kinh phí công đoàn</i>	79.493.319	95.367.631
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	-	-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	74.844.492	43.664.492
- <i>Chi quá Tạm ứng (dư có)</i>	-	-
- <i>Dư có phải thu khác (TK 138)</i>	10.615.026	10.615.026
- <i>Phải trả khác</i>	64.229.466	33.049.466
b. Phải trả khác dài hạn	136.000.000	136.000.000
- <i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	136.000.000	136.000.000
- <i>Phải trả khác dài hạn</i>	-	-
Cộng	290.337.811	275.032.123

	31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
14. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		
<i>Quỹ khen thưởng</i>	167.899.937	167.899.937
<i>Quỹ phúc lợi</i>	90.098.530	90.098.530
<i>Quỹ thưởng Ban QL điều hành công ty</i>	19.751.668	19.751.668
Cộng	277.750.135	277.750.135

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo GCN đăng ký DN Tỷ lệ (%)	Vốn thực góp	
		31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
- Vốn đầu tư của Nhà nước	35,34%	27.212.000.000	27.212.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	64,66%	49.788.000.000	49.788.000.000
Cộng		77.000.000.000	77.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	77.000.000.000	77.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		-
+ Vốn góp giảm trong năm		-
+ Vốn góp cuối năm	77.000.000.000	77.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

e. Cổ phiếu

	31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.700.000	7.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	7.700.000	7.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	7.700.000	7.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000

g. Các quỹ của công ty

	31/12/2022 VNĐ	31/12/2021 VNĐ
Quỹ đầu tư phát triển	108.005.619	108.005.619
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	108.005.619	108.005.619

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Doanh thu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	29.263.274.329	27.184.546.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.784.804.389	12.747.230.790
Doanh thu khác	1.266.000	53.269.594
Cộng	43.049.344.718	39.985.046.807

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã cung cấp	33.759.148.558	30.986.856.324
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.461.038.942	3.359.236.062
Giá vốn khác	-	25.358.819
Cộng	37.220.187.500	34.371.451.205

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.042.394.507	597.726.476
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	1.042.394.507	597.726.476

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền vay		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.240.618	14.090.243
Cộng	5.240.618	14.090.243

5. Thu nhập khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu về chuyển nhượng, thanh lý tài sản	529.966.330	91.065.095
Thu tiền bồi thường chấm dứt HĐ	75.015.692	-
Thu nhập khác	433	67.273
Cộng	604.982.455	91.132.368

6. Chi phí khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá trị còn lại của TSCĐ	-	-
Chi phí khác	299.896.710	24.200
Cộng	299.896.710	24.200

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	202.243.942	97.538.377
Chi phí nhân viên bán hàng	-	-
Chi phí Nguyên vật liệu	2.640.000	1.600.000
Chi phí dụng cụ sản xuất	6.804.900	-
Chi phí khấu hao	34.120.811	41.566.479
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.785.395	-
Chi phí bằng tiền khác	27.892.836	54.371.898
b) Các khoản chi phí quản lý DN phát sinh trong kỳ	6.638.605.101	5.898.666.463
Chi phí nhân viên quản lý	2.863.514.495	2.428.610.252
Chi phí Nguyên vật liệu	129.831.225	117.665.045
Chi phí dụng cụ văn phòng	441.276.510	-
Chi phí khấu hao	567.490.337	488.764.055
Thuế, phí và lệ phí	2.054.898.554	2.031.760.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.890.401	439.651.012
Chi phí bằng tiền khác	469.703.579	392.215.579
Cộng	6.840.849.043	5.996.204.840

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	330.547.809	292.135.163
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Điều chỉnh tăng		
Các khoản chi phí không được trừ		
Điều chỉnh giảm		
Tổng lợi nhuận chịu thuế	330.547.809	292.135.163
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	66.109.562	58.427.033
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	66.109.562	58.427.033

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	264.438.247	233.708.132
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	264.438.247	233.708.132
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.700.000	7.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34,34	30,35

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền mặt	446.868.687	340.280.145
Tiền gửi ngân hàng	1.985.504.355	2.639.685.766
Cộng	2.432.373.042	2.979.965.911

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Công cụ tài chính

Các loại công cụ TC	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.432.373.042	2.979.965.911	2.432.373.042	2.979.965.911
Phải thu khách hàng	3.175.298.753	3.170.460.071	3.175.298.753	3.170.460.071
Phải thu khác	4.791.962.954	4.795.492.754	4.791.962.954	4.795.492.754
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.981.894.829	21.518.632.670	27.981.894.829	21.518.632.670
Đầu tư tài chính dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng cộng	53.381.529.578	47.464.551.406	53.381.529.578	47.464.551.406
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	47.610.499.554	47.852.995.533	47.610.499.554	47.852.995.533
Người mua trả trước	-	400.000.000	-	400.000.000
Thuế phải nộp	134.494.832	15.617.844	134.494.832	15.617.844
Phải trả người lao động	828.212.852	668.789.299	828.212.852	668.789.299
Phải trả khác	290.337.811	275.032.123	290.337.811	275.032.123
Tổng cộng	48.863.545.049	49.212.434.799	48.863.545.049	49.212.434.799

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

2. Các bên liên quan

Danh sách bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Phạm Quang Huy

Ông Khương Văn Tuyến

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Đào Thị Sơn

Bà Lê Thị Tươi

Ông Phạm Quang Huy

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT-Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT-Phó Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Năm nay

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Giám đốc thực nhận

437.482.894

Trong đó:

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

24.000.000

Lương Ban Tổng giám đốc

413.482.894

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào có thể ảnh hưởng và làm cho các số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

4. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0,71	0,63
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,29	0,37
1.2. Bộ trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	0,78	0,78
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0,22	0,22
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,29	1,28
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,30	1,14
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,58	0,39

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ
Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,06	0,06
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,05	0,05
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,04	0,05
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,03	0,04
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	0,16	0,17

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay, và phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập

Trưởng phòng TC-KH

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Hiền
Đinh Thị Hiền

Đào Thị Sơn
Đào Thị Sơn



Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUẾ

Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Phụ lục số 01
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày 01/01/2022	64.756.014.988	10.699.082.297	3.553.322.637	220.544.393	-	79.228.964.315
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	812.390.292	-	1.580.292.386	-	-	2.392.682.678
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.580.292.386	-	-	1.580.292.386
- Giảm khác	812.390.292	-	-	-	-	812.390.292
4. Tại ngày 31/12/2022	63.943.624.696	10.699.082.297	1.973.030.251	220.544.393	-	76.836.281.637
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Tại ngày 01/01/2022	51.179.260.211	10.699.082.297	2.335.905.718	173.369.226	-	64.387.617.452
2. Số tăng trong năm	1.581.377.888	-	205.760.606	18.347.000	-	1.805.485.494
- Khấu hao trong năm	1.581.377.888	-	205.760.606	18.347.000	-	1.805.485.494
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	512.493.582	-	1.580.292.386	-	-	2.092.785.968
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.580.292.386	-	-	1.580.292.386
- Giảm khác	512.493.582	-	-	-	-	512.493.582
4. Tại ngày 31/12/2022	52.248.144.517	10.699.082.297	961.373.938	191.716.226	-	64.100.316.978
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2022	13.576.754.777	-	1.217.416.919	47.175.167	-	14.841.346.863
2. Tại ngày 31/12/2022	11.695.480.179	-	1.011.656.313	28.828.167	-	12.735.964.659

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THỤY KHUÊ

Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Phụ lục số 02
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	155.883.613	-	155.883.613
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Tại ngày 31/12/2022	-	-	-	155.883.613	-	155.883.613
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	46.765.082	-	46.765.082
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	15.588.360	-	15.588.360
- Trích khấu hao trong kỳ				15.588.360		15.588.360
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	62.353.442	-	62.353.442
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	109.118.531	-	109.118.531
2. Tại ngày 31/12/2022	-	-	-	93.530.171	-	93.530.171

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THỤY KHUÊ

Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

Phụ lục số 03
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số thuế nộp thừa đầu năm	Số thuế còn phải nộp đầu năm	Số thuế đã nộp và khấu trừ trong năm	Số thuế phải nộp trong năm	Số thuế nộp thừa cuối năm	Số thuế còn phải nộp cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	-	15.617.844	3.645.644.069	3.761.515.557	-	131.489.332
- Số Thuế GTGT đã nộp bằng tiền		15.617.844	1.342.757.186	1.458.628.674	-	131.489.332
- Số thuế GTGT đã được khấu trừ			2.302.886.883	2.302.886.883	-	-
Thuế GTGT hàng NK	-	-	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.838.160	-	47.500.000	66.109.562	40.228.598	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.026.000	4.031.500	-	3.005.500
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	68.526.051	68.526.051	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	2.889.850.011	2.889.850.011	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng cộng	58.838.160	15.617.844	6.655.546.131	6.793.032.681	40.228.598	134.494.832

Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế với Cơ quan thuế địa phương do vậy quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THUY KHUÊ

Địa chỉ: Khu CN Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Phụ lục số 04
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	77.000.000.000	11.170.850	108.005.619	(143.078.794)	76.976.097.675
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	233.708.132	233.708.132
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	24.004.534	24.004.534
2. Số dư cuối năm trước	77.000.000.000	11.170.850	108.005.619	66.624.804	77.185.801.273
3. Số dư đầu năm nay	77.000.000.000	11.170.850	108.005.619	66.624.804	77.185.801.273
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	264.438.247	264.438.247
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	26.021.417	26.021.417
4. Số dư cuối năm nay	77.000.000.000	11.170.850	108.005.619	305.041.634	77.424.218.103